

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 174/2024/HS-ST
Ngày: 28/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hồng Hạnh**

Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa:
Ông **Hồ Văn Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 172/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 đối với:

- Bị cáo **Hà Văn H**, sinh năm: 1986, tại: Thanh Hóa. HKTT: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hà Xuân C, sinh năm: 1959 và bà Hà Thị P, sinh năm: 1961; Có vợ Vi Thị Q, sinh năm: 1990. Bị cáo có hai người con sinh năm 2011 và năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- Bị cáo **Lang Văn C1**, sinh năm: 1983, Tại: Thanh Hóa; HKTT: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lang Văn U, sinh năm: 1957 và bà Hà Thị X, sinh năm: 1957; Có vợ Hà Thị T, sinh năm:

1982 và có một người con sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- Bị cáo **Nông Văn T1**, sinh năm: 1988, Tại: Cao Bằng; HKTT: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở hiện nay: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: nam; Dân tộc: tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nông Văn T2, sinh năm: 1961 và bà Hà Thị Đ, sinh năm: 1961; Có vợ Ngân Thị H1, sinh năm: 1992; Bị cáo có hai người con sinh năm 2011 và năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- **Bị hại:** Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Nông Văn T2**, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

Ông **Chiến Chấn S**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

Ông **Nông Văn T1**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

Bà **Hà Thị T**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 13/06/2024, Hà Văn H có mâu thuẫn trong việc làm thuê cho bà Lê Thị N, H bức tức và H biết được trong nhà chòi ở vườn cà phê của bà N tại thôn K, xã T, huyện L có để các bao phân bón, nhà chòi không khóa cửa nhà, không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản, H rủ Lang Văn C1 cùng đi lấy trộm mang về bán lấy tiền tiêu xài. Tuy nhiên, H và C1 chưa thực hiện hành vi tại thời điểm trên.

Đến khoảng 20 giờ 30 ngày 20/06/2024, H cùng C1 đến nhà Rơ Châm P1 (tên thường gọi là S1) sinh năm: 1993, HKTT: thôn K, xã T, huyện L để nhậu. Quá trình ăn nhậu thì H và C1 có rủ Rơ Châm P1 xuống chòi nhà bà N để trộm cắp các bao phân bón của bà N mang về bán, lấy tiền tiêu xài nhưng Rơ Châm P1 không đồng ý. Sau đó H và C1 ra về, trên đường về C1 và H bàn nhau về việc đến chòi cà phê nhà bà N để lấy trộm phân bón. C1 điều khiển xe mô tô

nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, mang biển số 49D1-021.61, còn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, mang biển số 49N7-3230 đi đến nhà chòi vườn của bà N. Khi đến nơi, C1 để xe phía ngoài đường đất cách nhà chòi bà N khoảng 40m rồi đi bộ vào, còn H điều khiển xe đi vào để trước sân nhà chòi bà N. Do nhà chòi không có điện, không khóa cửa nên C1 và H đã lấy điện thoại cá nhân bật đèn chiếu sáng để soi đường vào nhà. Khi vào trong nhà chòi, H thấy bên trong nhà phía bên phải có để một số bao phân bón xếp chồng lên nhau hiệu NPK 16-16-16, mỗi bao có trọng lượng 25kg. Lúc này, H hỏi C1 lấy phân cát giấu ở đâu thì C1 nói chở ra hướng đồi cát để cất giấu phân. Sau đó, H cùng C1 mỗi người bê một bao phân lần lượt mang ra vị trí xe mô tô của H để xuống đất, tổng cộng H và C1 mang được 17 bao phân ra vị trí xe mô tô của H. C1 phụ H khiêng các bao phân lên xe máy của H để H chở đi cất giấu còn C1 ở lại để trông coi số bao phân còn lại. H dùng xe mô tô chở 08 chuyến mỗi chuyến chở 02 bao phân và 01 chuyến chở 01 bao phân đến cất giấu tại vườn cà phê ở đồi cát gần chân hồ thủy điện Đ1. Sau khi cất giấu 17 bao phân xong thì C1 và H về nhà.

Ngày 23/6/2024, C1 gọi điện thoại cho H bàn về việc bán 17 bao phân bón trên cho Nông Văn T1 (là họ hàng bên vợ của C1) thì được H đồng ý. Sau đó, C1 gọi điện cho T1 nói *“thằng cháu H có trộm được mấy bao phân bón NPK này có lấy không thì để bán rẻ cho”*, T1 hỏi *“bao nhiêu bao, giá bao nhiêu”* thì C1 nói có *“17 bao phân bón NPK 16-16-16, lấy thì để cho giá 900.000đ/1 tạ”* và T1 đồng ý mua. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe máy cày hiệu Shibaura màu đỏ của ông Nông Văn T2 đến vị trí cất giấu 17 bao phân bón theo sự chỉ dẫn của C1. Tại đây, C1 cùng T1 khiêng tổng cộng 17 bao phân bón lên xe máy cày và T1 điều khiển máy cày chở số phân bón trên về cất tại nhà T1. Khi chở phân về đến nhà, T1 đưa cho C1 số tiền là 3.500.000đồng. Sau đó, C1 chia cho H số tiền là 1.500.000đồng, còn lại số tiền 2.000.000đồng thì C1 giữ lại. Toàn bộ số tiền trên, C1 và H đã sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân, ăn uống trong gia đình. Khi được Cơ quan Công an mời lên làm việc thì C1, H, T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: 17 bao phân bón NPK 16-16-16, nhãn hiệu Agrisun, mỗi bao có trọng lượng 25kg; T3 của Lãng Văn C2 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu đen, bị nứt vỡ màn hình, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, mang biển số 49D1-021.61; Thu

của Hà Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, mang biển số 49N7-3230; Thu của Nông Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu xanh và 01 xe máy cày hiệu Shibaura P17F, màu đỏ đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KLĐG ngày 05/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: Tài sản là 17 bao phân bón NPK 16-16- 16 nhãn hiệu Agrisun (loại phân bón của N1), mỗi bao có trọng lượng 25kg, tổng khối lượng của 17 bao phân bón là 425kg. Tổng giá trị là 6.587.500đồng (Sáu triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Về xử lý vật chứng: Ngày 13/8/2024, Cơ quan Canh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, mang biển số 49D1-021.61 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Chiềng Chấn S; Trả 01 xe máy cày hiệu Shibaura P17F, màu đỏ cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nông Văn T2; Trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, mang biển số 49N7-3230 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nông Văn T1; Trả 17 bao phân bón NPK 16-16-16, nhãn hiệu Agrisun, mỗi bao có trọng lượng 25kg cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị N.

Về trách nhiệm dân sự. Bà Lê Thị N đã nhận được tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 180/CT-VKS ngày 06/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố Hà Văn H, Lang Văn C1 ra trước Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố Nông Văn T1 ra trước Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để xét xử về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, bị cáo không khiếu nại hay thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

xử phạt bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn T1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 65, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nông Văn T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu đen, bị nứt vỡ màn hình, đã qua sử dụng thu của Lãng Văn C2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu đen thu của Hà Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu xanh thu của Nông Văn T1.

Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1, Nông Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, tang vật thu giữ và những tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 20/6/2024, tại thôn K, xã T, huyện L, các bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 17 bao phân bón NPK 16-16-16, nhãn hiệu Agrisun, mỗi bao có trọng lượng 25kg có giá trị 6.587.500đồng (Sáu triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) của bà Lê Thị N. Đến ngày 23/6/2024 bị cáo H và bị cáo C1 bàn với nhau bán 17 bao phân bón NPK

16-16-16 nêu trên cho bị cáo Nông Văn T1 với số tiền 3.500.000đồng. Khi bán bị cáo C1 nói rõ cho bị cáo T1 nguồn gốc số phân này do trộm cắp mà có, khi mua bị cáo T1 đã biết số phân trên do bị cáo Chung và bị cáo H trộm cắp được nhưng bị cáo T1 thấy rẻ nên đồng ý mua và trực tiếp đi chở số phân trên về nhà. Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Văn T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1 được thực hiện với lỗi cố ý, chỉ vì lòng tham mà bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở, mất cảnh giác để lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi đã thực hiện.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm gian đơn, H là người khởi xướng việc trộm cắp, khi trộm cắp thì H, C1 không phân công công việc cụ thể mà cả hai bị cáo cùng nhau vào lấy trộm tài sản, H mang đi cất giấu. Sau đó C1 là người tìm chỗ tiêu thụ tài sản, khi bán tài sản trộm cắp cho T1 được 3.500.000đồng thì C1 hưởng lợi số tiền nhiều hơn bị cáo H. Vì vậy, H và C1 phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

Đối với bị cáo Nông Văn T1 không hứa hẹn trước sẽ tiêu thụ tài sản giúp bị cáo H, C1 nhưng khi bị cáo C1 gọi cho T1 thì có nói rõ đây là tài sản trộm cắp mà có. Bản thân T1 cũng biết C1, H đi làm thuê không phải buôn bán phân mà số phân có được là do trộm cắp nhưng bị cáo vẫn mua để sử dụng là tiêu thụ tài sản này cho người phạm tội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi đã thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã trả lại cho người bị hại và bị hại cũng có đơn xin bãi

nại cho bị cáo. Hơn nữa, gia đình bị cáo thuộc trường hợp khó khăn, các bị cáo đều đi làm thuê và đều là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, giá trị tài sản trộm cắp không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nên bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2022/VBHN - TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính ra, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bà N không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức: Trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, mang biển số 49D1-021.61 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Chiềng Chấn S; Trả 01 xe máy cày hiệu Shibaura P17F, màu đỏ cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nông Văn T2; Trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, mang biển số 49N7-3230 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nông Văn T1; Trả 17 bao phân bón NPK 16-16-16, nhãn hiệu Agrisun, mỗi bao có trọng lượng 25kg cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị N. Bà Lê Thị N, ông Chiềng Chấn S, ông Nông Văn T2, ông Nông Văn T1 xác

định đã nhận lại các tài sản trên và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với 01 Điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu đen, bị nứt vỡ màn hình, đã qua sử dụng thu của Lăng Văn C2; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu đen thu của Hà Văn H; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu xanh thu của Nông Văn T1. Các bị cáo liên lạc dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.500.000đồng bị cáo Hà Văn H nộp theo biên lai ngày 07/11/2024 và số tiền 2.000.000đồng bị cáo Lang văn C1 nộp theo biên lai ngày 07/11/2024. Đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính nên tịch thu sung ngân sách nhà nước

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1 phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Nông Văn T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn H 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2024).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lang Văn C1 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2024).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn T1 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2024).

Giao các bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1, Nông Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình các bị

cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tuyên:

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu đen, bị nứt vỡ màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, phím bấm màu xanh. *(Tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng).*

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) bị cáo Hà Văn H nộp theo biên lai thu tiền số 0001508 ngày 07/11/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) bị cáo Lang Văn C1 nộp theo biên lai thu tiền số 0001507 ngày 07/11/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hà Văn H, Lang Văn C1, Nông Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2024). Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang